

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Trung

**YẾU TỐ TRANG TRÍ TRONG TRANH LỰA VIỆT
NAM GIAI ĐOẠN 1976 - 2015**

Ngành: Lý luận và lịch sử mỹ thuật

Mã số: 9210101

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT**

Hà Nội - 2024

Công trình được hoàn thành tại:
Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phản biện 1: PGS.TS Đặng Mai Anh

Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

Phản biện 2: PGS.TS Hoàng Minh Phúc

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Thành phố Hồ Chí Minh

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Văn Dương

Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án họp tại

Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

32 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 28 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU SINH



PGS.TS Lê Văn Sửu



TS Nguyễn Thị Thu Hà



Nguyễn Trung

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Mai Thị Thùy Hương

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;

- Thư viện Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Tranh lụa Việt Nam (TLVN) hiện đại được hình thành từ những năm 30 của thế kỷ XX. Trong quá trình phát triển của TLVN giai đoạn 1976 - 2015, yếu tố trang trí (YTTT) và ngôn ngữ tạo hình của hội họa tranh lụa đã hòa quyện với nhau trong tác phẩm tạo nên đặc điểm, giá trị nghệ thuật, trở thành một phẩm chất nghệ thuật đặc sắc trong sáng tác TLVN giai đoạn này. Đó là những vấn đề quan trọng cần được làm sáng tỏ.

1.1. Biểu hiện của YTTT qua hình thức TLVN giai đoạn này là khá rõ rệt, có thể nhận diện thông qua các yếu tố tạo hình như: không gian, màu sắc, hình thể, họa tiết trang trí. Đặc tính ước lệ - tượng trưng cùng với vẻ hấp dẫn, độc đáo từ những hoa văn trang trí cổ, họa tiết trang trí dân tộc Mường, Ba Na, Ê đê, Thái, Tày, Nùng, Dao, H'Mong... của YTTT luôn thể hiện tinh thần Á đông, mang đậm giá trị truyền thống dân tộc, tác động tích cực đến thị giác người thưởng thức, đáp ứng khả năng sáng tạo, hiệu quả biểu đạt thẩm mỹ của đặc trưng chất liệu lụa. Do đó, nghiên cứu YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 là nhiệm vụ cần thiết.

1.2. YTTT có mối quan hệ chặt chẽ gắn liền với hình thức thể hiện của TLVN giai đoạn 1976 - 2015. YTTT không chỉ là phương tiện nổi trội trong việc đem lại hiệu quả tạo hình cho tác phẩm mà còn là phương tiện hỗ trợ đắc dụng tạo nên lối vẽ tranh lụa mạnh mẽ, tinh khiết, phản chiếu kịp thời những thay đổi và biến động của xã hội đương đại. Nghiên cứu YTTT trong TLVN giai đoạn này nhằm chỉ rõ biểu hiện, đặc trưng, giá trị nghệ thuật nổi bật của nó trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay, là yêu cầu mang tính cấp thiết.

1.3. YTTT trong TLVN giai đoạn này còn góp phần quan trọng tạo nên thành tựu, đặc điểm, giá trị nghệ thuật và định vị TLVN trong nền hội họa thế giới. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ

thống về vấn đề này. Vì vậy, đặt vấn đề nghiên cứu YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 nhằm bổ sung cơ sở dữ liệu về TLVN hiện đại ở trong nước, có ý nghĩa đáp ứng yêu cầu khoa học, thực tiễn và góp phần định hướng sáng tác, phát huy tinh thần dân tộc để trong tương lai nghệ thuật TLVN có vị thế độc lập trong lịch sử hội họa.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ những biểu hiện của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015, qua đó chỉ ra đặc trưng và giá trị nghệ thuật của YTTT trong tranh lụa giai đoạn này.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng hợp, phân tích các tài liệu nghiên cứu để làm rõ tình hình nghiên cứu và các vấn đề cần tiếp tục giải quyết, xác định cơ sở lý luận để thực hiện đề tài.

Làm rõ sự biểu hiện của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 qua hình thức biểu đạt tác phẩm.

Phân tích, xác định các đặc trưng, chỉ ra giá trị nghệ thuật của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 và luận bàn về những nhân tố hình thành YTTT trong TLVN giai đoạn này cùng với việc phát huy giá trị nghệ thuật của YTTT trong tranh lụa.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là YTTT trong biểu hiện thẩm mỹ của TLVN giai đoạn 1976 - 2015.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi thời gian. Luận án nghiên cứu các tác phẩm TLVN tiêu biểu sáng tác ở giai đoạn 1976 - 2015.

Phạm vi không gian. Luận án tiến hành khảo sát các tác phẩm

TLVN giai đoạn 1976 - 2015 có YTTT nổi bật gồm: 45 tác phẩm của 39 tác giả. Đó là những sáng tác hiện đang được lưu giữ, trưng bày tại các bảo tàng của Nhà nước, trong các vịnh tập triển lãm mỹ thuật toàn quốc giai đoạn 1976 - 2015.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Có thể nhận diện YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 qua những yếu tố nghệ thuật nào?

Câu hỏi 2: YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 có đặc trưng gì, có giá trị nghệ thuật như thế nào?

Câu hỏi 3: Vì sao phần lớn TLVN giai đoạn 1976 - 2015 có YTTT? Cần phát huy những giá trị nghệ thuật của YTTT trong tranh lụa giai đoạn này như thế nào?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Sự biểu hiện của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 ở hình thức tác phẩm thông qua các thành tố tạo hình như: không gian, màu sắc, hình thể, họa tiết trang trí.

Giả thuyết 2: Đặc trưng nghệ thuật của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 là: tính ước lệ - tượng trưng trong màu sắc và không gian; tính khái quát và cách điệu hóa hình thể; có sự kết hợp họa tiết trang trí trong mảng hình. YTTT có giá trị làm tăng hiệu quả tạo hình và đa dạng hình thức biểu hiện nghệ thuật cho TLVN giai đoạn này.

Giả thuyết 3: Những nguyên nhân cơ bản tạo nên sự hiện diện mạnh mẽ của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 là: sự hạn chế về tả khối, tả chất của nền lụa khiến cho ngôn ngữ tạo hình thích hợp sử dụng YTTT để đảm bảo hiệu quả hình thức biểu đạt nghệ thuật; quan niệm, tâm lý sáng tác chứa đựng tinh thần trang trí của các họa sĩ được kế thừa một cách ngẫu nhiên từ đặc điểm nghệ thuật truyền thống dân tộc. Việc phát

huy giá trị nghệ thuật của YTTT trong TLVN giai đoạn này đòi hỏi người họa sĩ không được lạm dụng mà phải biết cách khai thác những ưu điểm của nó một cách có chọn lọc, phù hợp với bối cảnh xã hội và từng chủ thể sáng tạo.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở Mỹ thuật học cùng một số thành tựu của các ngành khoa học có liên quan tới luận án như: văn hóa, lịch sử, tâm lý học, văn học... Thông qua các phương pháp chủ yếu: Phương pháp so sánh, điền dã, thống kê, tiếp cận liên ngành, phân tích và tổng hợp tài liệu. Qua đó đề tài sẽ chỉ rõ biểu hiện của YTTT trong hình thức của tác phẩm, đặc trưng, giá trị nghệ thuật của nó trong TLVN giai đoạn này.

6. Những đóng góp mới của luận án

6.1. Về mặt khoa học

Ở phương diện lý luận và lịch sử mỹ thuật, luận án nghiên cứu YTTT trong TLVN để tìm hiểu mối quan hệ giữa YTTT với hình thức biểu hiện mới của TLVN trong giai đoạn lịch sử gắn liền với thời kỳ “Đổi mới” của đất nước, bối cảnh toàn cầu hóa, giao lưu và hội nhập quốc tế.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu, chuyên biệt, đánh giá các vấn đề khoa học của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 qua góc nhìn mỹ thuật học. Từ kết quả nghiên cứu đóng góp hướng trọng tâm làm sáng tỏ những câu hỏi và luận điểm khoa học đặt ra:

Luận án đóng góp vào việc nhận diện YTTT trong TLVN giai đoạn này, thông qua các yếu tố tạo hình như: không gian, màu sắc, hình thể, họa tiết trang trí ở hình thức của tác phẩm.

Luận án chỉ ra ba đặc trưng nghệ thuật nổi bật của YTTT trong TLVN

giai đoạn 1976 - 2015 như: tính ước lệ - tượng trưng trong màu sắc và không gian; khái quát và cách điệu hóa hình thể; kết hợp họa tiết trang trí trong mảng hình; với các giá trị nghệ thuật điển hình như: tăng hiệu quả tạo hình và đa dạng hình thức biểu hiện nghệ thuật.

Kết quả nghiên cứu của luận án có giá trị thực tiễn, bổ sung dữ liệu cập nhật vào nguồn tư liệu mỹ thuật hiện đại Việt Nam, cung cấp thông tin chuyên sâu về những nhân tố hình thành và việc phát huy giá trị nghệ thuật của YTTT cho giới sáng tác, giới nghiên cứu, người học và công chúng thưởng thức TLVN đương đại.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu (08 trang), Kết luận (03 trang), Tài liệu tham khảo (11 trang) và phụ lục (62 trang), nội dung chính được chia làm 3 chương: Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1976 - 2015 (38 trang); Chương 2: Biểu hiện của yếu tố trang trí trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1976 - 2015 (58 trang); Chương 3: Đặc trưng, giá trị nghệ thuật và bàn luận về yếu tố trang trí trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1976 - 2015 (54 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT TRANH LỤA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1976 - 2015

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Khảo sát các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước cùng những tư liệu sách, tạp chí, các bài tham luận, bài viết, luận án về hội họa TLVN hiện đại cho thấy, phần lớn nội dung của những nghiên cứu tập trung vào giới thiệu, phân tích về nghệ thuật tranh lụa nói chung hoặc về một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Các công trình nghiên cứu liên

quan đến đề tài có thể phân chia thành hai nhóm, cụ thể như sau:

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Nhóm các công trình nghiên cứu đề cập đến YTTT trong tranh, TLVN, YTTT trong TLVN tiêu biểu như: bài viết “Tiếp cận ngôn ngữ hội họa theo quan điểm quy luật nhịp điệu” (1985) của tác giả Lê Quốc Bảo; bài viết “Vấn đề lý thuyết về hoa văn” (2015) của tác giả Natalia Kraevskaia; cuốn *Hội họa mới Việt Nam Thập Kỷ 90* (2001), Nxb Mỹ thuật, của tác giả Bùi Như Hương và Trần Hậu Tuấn; bài viết “Vài suy nghĩ về tranh lụa Việt Nam” của họa sĩ Vũ Giáng Hương trong tập sách *Một số vấn đề Mỹ thuật* của Trường ĐH Mỹ thuật Việt Nam (1985); *Tuyển tập tranh Nguyễn Thụ trong bộ sưu tập của nhà sưu tập Yoong Voon Sin* (2016) của Đặng Thị Bích Ngân; cuốn *Nguyễn Thụ - Con đường phương Đông*, (2014), của tác giả Phan Cẩm Thượng (chủ biên); cuốn *Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20* (2010) của tác giả Nguyễn Quân; bài viết “Nghiên cứu yếu tố trang trí trong tranh” (2014), tác giả Lê Văn Sửu; cuốn sách *100 Vietnamese painters and sculptors of the 20th century* (100 họa sĩ và nhà điêu khắc Việt Nam thế kỷ 20) (1995), Nxb Thế giới; cuốn *Bình luận Mỹ thuật*, tập 1 của tác giả Nguyễn Văn Chiến... Đây là nguồn tư liệu quan trọng có tính nền tảng giúp NCS có được luận cứ khoa học đáng tin cậy và cái nhìn tổng quan về đặc điểm tạo hình TLVN hiện đại.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

Nhóm công trình nghiên cứu ở nước ngoài tiêu biểu, liên quan đến đề tài, được dịch thuật từ nhiều ngôn ngữ khác nhau như: bài viết “Thuộc địa hay chủ nghĩa thế giới? Nghệ thuật Việt Nam ở Paris thập niên 1930 - 40” của tác giả Phoebe Scott; bài viết “Mỹ thuật: từ tiếp xúc dưới ảnh hưởng đến giải phóng chéo của cảm hứng” của Nadine André - Pallois; bài viết “Sự thành lập của Trường Mỹ thuật Đông

Dương và bức tranh Chính trị ở thuộc địa Việt Nam giai đoạn 1925 - 1945” của tác giả Nora Taylor; bài viết “Mỹ thuật: từ tiếp xúc dưới ảnh hưởng đến giải phóng chéo của cảm hứng” của Nadine André - Pallois bài viết “Vũ công và các gương mặt huyền bí” (2013) của tác giả Ian Findlay... Các công trình này là cơ sở để NCS nhìn nhận về hình thức biểu đạt và tinh thần trang trí trong TLVN hiện đại ngay từ những giai đoạn đầu của sự phát triển cho đến nay, cung cấp những quan điểm đánh giá khách quan về đặc điểm nghệ thuật độc đáo qua sự kết hợp giữa quan niệm về màu sắc, bố cục phương Tây với phong cách cổ truyền phương Đông của TLVN.

1.1.3. Đánh giá chung

Sau khi hệ thống các tài liệu nghiên cứu liên quan đến đề tài, có thể nhận thấy: ở nước ngoài số lượng các công trình nghiên cứu về đặc điểm nghệ thuật của TLVN hiện đại còn hạn chế, không trực tiếp đề cập đến YTTT trong TLVN, song nhận định của họ mang nội hàm về hình thức biểu đạt và tinh thần trang trí trong TLVN hiện đại ngay từ những giai đoạn đầu của sự phát triển; ở trong nước có nhiều công trình ít nhiều đã đưa ra những nghiên cứu ban đầu về sự hiện diện của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 thông qua đánh giá, phân tích ở một số tác giả, tác phẩm nhưng chưa đặt vấn đề nghiên cứu một cách chuyên biệt, hệ thống. Qua hệ thống tài liệu, NCS có được cái nhìn tổng quát về các vấn đề đã được nghiên cứu, tập hợp, sắp xếp các luận cứ, xây dựng khái niệm và phương pháp tiếp cận phù hợp để giải quyết mục tiêu nghiên cứu, xác định rõ hơn tính mới của đề tài, phạm vi và trọng tâm nghiên cứu.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Khái niệm

1.2.1.1. Khái niệm tranh lụa

Qua tổng hợp nguồn tư liệu của học giả quốc tế và trong nước về nghệ thuật tranh lụa, có thể rút ra khái niệm như sau: Tranh lụa là những bức tranh vẽ trên vật liệu đỡ là tấm vải lụa, có nguồn gốc từ lâu đời ở các nước phương Đông như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Việt Nam... Người ta có thể sử dụng nhiều loại màu khác nhau để vẽ trên mặt lụa như: bột màu, màu nước, phẩm hay mực nho, tempera... Không giống tranh lụa của các nước khác, tranh lụa Việt Nam hiện đại không dùng màu vẽ phủ lấp các thớ lụa mà thường dùng màu nước nhuộm đi nhuộm lại màu lên mặt lụa. Trong quá trình vẽ, lụa được căng trên khung gỗ và có thể rửa lụa nhiều lần rồi vẽ tiếp tới khi như ý.

1.2.1.2. Khái niệm yếu tố trang trí trong tranh

YTTT trong tranh là một phạm trù về mặt hình thức, phản ánh thủ pháp tạo hình của người họa sĩ trong việc kết hợp hài hòa giữa các thành tố tạo hình của nghệ thuật trang trí và hội họa, tạo nên ấn tượng cho người xem về phẩm chất trang trí trong tác phẩm hội họa. YTTT trong tranh được biểu hiện thông qua của các thành tố tạo hình như: không gian, màu sắc, hình thể, họa tiết trang trí... với đặc điểm mang tính ước lệ, tượng trưng.

1.2.1.3. Khái niệm yếu tố trang trí trong tranh lụa

YTTT trong tranh lụa là sự kết hợp hài hòa giữa các thành tố tạo hình của nghệ thuật trang trí và hội họa tranh lụa khiến cho tranh lụa hàm chứa phẩm chất trang trí. Tranh lụa hiện đại Việt Nam là sản phẩm sáng tạo của các họa sĩ Việt Nam, làm cho các sợi tơ óng ả trực tiếp tham gia vào việc diễn tả nghệ thuật về cả hai phương diện tạo hình và biểu cảm.

Căn cứ vào những khái niệm, luận điểm đã trình bày, luận án có thể đưa ra khái niệm YTTT trong tranh lụa cụ thể như sau: Yếu tố trang trí trong tranh lụa là chỉ phẩm chất, đặc điểm của nghệ thuật trang trí biểu hiện trong tranh lụa thông qua các yếu tố tạo hình như không gian,

màu sắc, hình thể, họa tiết trang trí... được người họa sĩ sử dụng, biểu hiện cảm xúc, thông qua thủ pháp sáng tạo nghệ thuật để xây dựng tác phẩm hội họa trên chất liệu lụa.

1.2.2. Lý thuyết nghiên cứu và luận điểm khoa học

1.2.2.1. Cấu trúc luận của Lévi - Strauss

Cấu trúc luận là trường phái triết học và văn hóa luận ở châu Âu phát triển vào đầu thế kỷ XX, chủ yếu ở Pháp và Nga với các công trình nghiên cứu của nhiều nhà xã hội học, triết học, nhân học, tâm lý học như: Ferdinand de Saussure, Lévi - Strauss, Roman Jakobson, Jacques Lacan, M. Foucault... Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cấu trúc theo Lévi - Strauss là coi một hiện tượng văn hóa cũng là một sự kiện xã hội tổng thể, nó có mối quan hệ ổn định trong một thời gian dài lịch sử hoặc trong một khu vực địa lý nhất định. Cấu trúc nguyên sơ của văn hóa là các hệ thống ký hiệu mang tính đơn giản và phổ quát hơn cả ngôn ngữ, các hiện tượng văn hóa phức tạp như cưới xin, thần thoại, nghi lễ... đều có thể được coi là những hệ thống ký hiệu. Các hình thái đó tác động theo kiểu những cơ chế vô thức, điều khiển toàn bộ hoạt động tinh thần và sáng tạo của con người, làm cho các nền văn hóa trở nên độc đáo và khác biệt với nhau. Áp dụng luận điểm của lý thuyết cấu trúc luận của Lévi - Strauss là cần thiết nhằm làm sáng tỏ quá trình từ hình thành, duy trì kéo dài và biến đổi (nhưng vẫn có ảnh hưởng chi phối ngầm) qua các thời đại khác nhau của văn hóa, nghệ thuật nói chung và nghệ thuật hội họa TLVN nói riêng. Áp dụng lý thuyết cấu trúc luận với phương pháp tiếp cận liên ngành, đề tài sẽ từng bước làm sáng rõ sự ảnh hưởng, chi phối ngầm của tư duy tạo hình nghệ thuật truyền thống đến tâm lý sáng tác của TLVN giai đoạn 1976 - 2015 diễn ra như thế nào.

1.2.2.2. Luận điểm khoa học

Luận điểm về hình thái học nghệ thuật được M. Cagan đưa ra vào

năm 1972 trong cuốn sách chuyên khảo *Hình thái học của nghệ thuật* Nxb Iskusstvo, Leningrad, Nevsky, Phan Ngọc dịch vào năm 2004, Nxb Hội nhà văn. Tác giả M. Cagan (1921- 2006, St. Petersburg, Nga) là một nhà triết học và văn hóa người Nga nổi tiếng với những lý thuyết về giá trị, lịch sử và thuyết thẩm mỹ. Luận điểm về hình thái học của nghệ thuật đã chỉ ra mối liên hệ tương giao giữa các loại hình nghệ thuật tạo nên một thể loại nghệ thuật mới, song cấu trúc này lại chấp nhận những thay đổi nhất định. Nội dung luận án đã được vận dụng những nguyên tắc này để phân tích, làm rõ về sự biểu hiện, đặc trưng của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 qua sự kết hợp giữa hai loại hình nghệ thuật là hội họa và trang trí tạo nên một cấu trúc nghệ thuật mới mang hình thái của tổng hợp của cả hai loại hình và chấp nhận sự biến đổi linh hoạt theo những nhu cầu biểu đạt. YTTT biểu hiện trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 qua các yếu tố tạo hình như không gian, màu sắc, hình thể, đường nét, họa tiết trang trí... để gây ấn tượng thị giác và truyền tải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm. Đặc trưng nghệ thuật của nó là cách diễn tả các hình tượng nghệ thuật thông qua hình thức kết hợp giữa tả thực và trang trí, hoặc thiên về trang trí với những biến điệu khác nhau.

1.3. Khái quát về tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1976 - 2015

Giai đoạn 1976 - 2015, đội ngũ sáng tác đông đảo trong cả nước đã có nhiều đóng góp trong việc cách tân ngôn ngữ tranh lụa để phản ánh hơi thở của cuộc sống mới. Ngôn ngữ lụa khỏe khoắn và năng động, màu sắc trong tranh phong phú, tươi tắn rực rỡ hơn giai đoạn trước đó. Song song với xu hướng hiện thực vẫn duy trì từ trước, tranh lụa xuất hiện thêm một số phong cách nghệ thuật mới gần với ngôn ngữ trường phái của Biểu hiện, Siêu thực, Pop Art... Các tác phẩm thể hiện rõ trong sự táo bạo trong xử lý hình, đường nét, bố cục mạnh mẽ,

roi ánh sáng, gam màu rực rỡ. Một số tác giả còn sử dụng tempera để vẽ lụa, dán vàng quỳ lên tranh lụa nhằm tìm ra những khả năng biểu đạt mới của tranh lụa. Đề tài trong tranh được mở rộng một cách đáng kể, bên cạnh việc phát huy thế mạnh trong việc vẽ tranh phong cảnh, sinh hoạt, hình tượng người phụ nữ, lễ hội, người chiến sĩ, lãnh tụ, lao động sản xuất... xuất hiện những đề tài như: tuổi “teen”, các mô típ cổ kính, xa vắng, những không gian nội giới, sự tự vấn, dằn vặt, ẩn ức đi vào tác phẩm trong những bố cục mới lạ cùng với những khuynh hướng sáng tác khác nhau mang đậm dấu ấn cá nhân.

Tiểu kết

Qua hệ thống các tư liệu về YTTT và tranh lụa, luận án xây dựng cơ sở lý luận; các khái niệm cơ bản; lý thuyết, luận điểm và phương pháp tiếp cận phù hợp; khái quát TLVN giai đoạn 1976 - 2015 để có góc nhìn toàn cảnh các vấn đề về nghệ thuật TLVN, YTTT trong tranh nói chung và YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 nói riêng. Đây là cơ sở lý luận để hướng tới nội dung nghiên cứu ở các chương tiếp theo. Qua đó làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu tìm ra tính mới, giải quyết đầy đủ nội dung đề ra ở mục đích, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học của luận án.

Chương 2

BIỂU HIỆN CỦA YẾU TỐ TRANG TRÍ

TRONG TRANH LỤA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1976 - 2015

2.1. Yếu tố trang trí biểu hiện qua không gian

Do đặc điểm thấm hút từ từ, loang nhòe của nền lụa, giữa các thớ lụa có khoảng trống khiến cho tranh lụa hạn chế trong việc vờn khối, tạo chiều sâu, tả chất như các chất liệu khác. Vì thế, phần lớn tác phẩm TLVN giai đoạn này sử dụng không gian có phối cảnh ước lệ để xây dựng tác phẩm. Theo đó, trong tranh không chú trọng diễn tả ánh sáng thực hay là

chiều sâu theo luật viễn cận, nếu có thì chỉ điểm tuyệt. Để tạo không gian, các hình tượng trong tranh được sắp xếp thành từng tuyến, các lớp cảnh chồng đè lên nhau, những hình ở xa thường được đẩy lên cao hơn và không bị rút nhỏ so với ở gần và giảm dần về sắc độ. Bên cạnh đó, người vẽ cũng không ngần ngại lắp ghép nhiều hình ảnh, tình tiết, nhiều hình chiếu, nhiều lớp trước sau ở nhiều điều kiện không gian, thời gian khác nhau cùng hiện lên trên mặt tranh miễn sao tập hợp các hình đó mang ý nghĩa và cùng hướng đến chủ đề của tác phẩm. Cách thể hiện không gian có phối cảnh ước lệ trong tranh lụa như vậy rất gần với cách diễn tả không gian trong nghệ thuật trang trí, qua đó làm cho hình thức thể hiện, hấp dẫn, không khí của tranh thêm sinh động, YTTT được hiện diện. Điều này có thể thấy rõ trong các tác phẩm tiêu biểu như: *Sầm Sơn* (1989) của Đỗ Thị Ninh, *Làng ven núi* (1976) của Nguyễn Thu, *Bộ đội về bản* (1976) của Trần Lưu Hậu, *Xe ngựa* (1987) của Kim Bạch, *Sấy gạo* (1994) của Nguyễn Thu, *Bán Thái* (1995) của Hoàng Minh Hằng (1995), *Hai Bà Trưng ra trận* (1995) của Đỗ Mạnh Cường, *Lễ hội xưa nay* (2000) của Lê Xuân Dũng...

Một số tác phẩm sử dụng thủ pháp không gian ý niệm trong đó có hiện diện YTTT như tác phẩm *Solo* (2011) của Vũ Đình Tuấn, *Khiêu vũ* (1993) của Đào Minh Tri, *Bố cục* (2004) của Phạm Thanh Liêm... YTTT hiện diện trong không gian ý niệm qua sự hiện diện của các chi tiết trang trí được thể hiện cùng những hình ảnh ở những điều kiện không gian - thời gian khác nhau trong cùng một trường không gian tâm lý. Khi đưa hình vào tranh, các họa sĩ chấp nhận những biến dạng phối cảnh dị dạng với những hình thể được giản lược, cải biến đến mức tượng trưng như dạng ký hà hoặc dạng hình học phẳng trừu tượng, hoặc là kết hợp cả những hình ảnh thực tế và phi lý.

Ngoài không gian ý niệm, một số tác phẩm kết hợp không gian viễn cận và không gian có phối cảnh ước lệ như tác phẩm *Phong cảnh* (2000) của Nguyễn Minh Quang, *Thiếu nữ và đàn tỳ bà* (1993) của Phạm Công Thành... Thủ pháp diễn tả không gian này mang lại không gian chủ động trong tranh. YTTT được biểu hiện qua cách gọi chiều sâu qua phối cảnh đường nét và kết hợp hài hòa với lối vẽ mảng phẳng, cài nét của trang trí để tạo điểm nhấn, đưa đến sự hấp dẫn về hình thức thể hiện.

2.2. Yếu tố trang trí biểu hiện qua màu sắc

Màu sắc được người họa sĩ chủ động giản lược hoặc thay đổi hòa sắc không giống thực, để tác động đến thị giác người thưởng thức, làm cho họ cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm thông qua hiệu ứng hấp dẫn, kích thích của màu sắc sẽ gọi YTTT. Giai đoạn 1976 - 2015, cách xử lý màu sắc trong các tác phẩm không nhằm tái hiện thực tế mà biểu hiện với nhiều sắc thái đa dạng như nguyên sắc, tương phản, hài hòa... để tạo hiệu quả biểu đạt nhịp điệu phẩm như: hòa sắc ấm - đơn sắc, điểm xuyết vài sắc trắng hoa mạn nổi bật, qua đó gọi không khí lãng mạn, đầy chất thơ trong tác phẩm *Miền Tây Bắc* (1982) của họa sĩ Nguyễn Thụy; màu sắc cường điệu, thoát thực trong hòa sắc nóng - chủ sắc đỏ rực rỡ, tô phẳng trên những mảng hình lược giản chi tiết để diễn tả một không gian hư ảo trong bức *Chiều trên Đảo Hòn tre* (1980) của Lương Xuân Đoàn mang đến vẻ đẹp độc đáo, lạ mắt; màu sắc không mang tính miêu tả thực tế mà hướng đến khai thác tính chất bí ẩn, huyền ảo của sắc xanh lam để biểu hiện một trạng thái cảm xúc trong tranh *Hoàng hậu 7* (2011) của Vũ Đình Tuấn; màu sắc đối chọi, được hư cấu kết hợp với nhau trong hòa sắc tương phản tạo nhịp điệu và gây sức truyền cảm mạnh mẽ trong tác phẩm *Phong cảnh miền núi* (2000) của Trần Lưu Tuấn; màu sắc tương đồng được sắp đặt theo ý định chủ quan của tác giả trong hòa sắc

nóng - chủ sắc màu da cam, màu sắc tương phản nhân ở nhóm chính tạo điểm nhìn tập trung, hiệu ứng sinh động tô đẹp tác phẩm *Buổi sớm ở bản* (2010) của Phạm Ngọc Sỹ; màu sắc tươi tắn, tô phẳng đồng đều trên các mảng màu và nét màu nhằm diễn tả một nhịp điệu tạo hình với nhiều hoạt động, nhiều hình ảnh liên quan đến chủ đề cùng đồng hiện trong tác phẩm *Sắc xuân* (2007) của Trần Văn Đức...

2.3. Yếu tố trang trí biểu hiện qua hình thể

Các tác phẩm TLVN giai đoạn 1976 - 2015, rất ít tác phẩm sử dụng thuần túy những hình thể dạng hình học như tác phẩm *Bố cục* của Phạm Thanh Liêm, *Sóng ngầm* (2007) của Vũ Châu Ngọc, *Bài chòi II* (1997) của Nguyễn Trọng Dũng... bởi dường như lối vẽ trừu tượng trong tranh lụa chưa gặt hái được nhiều thành công đáng kể. Một số tác phẩm thể hiện thủ pháp giản lược hình thể gần như mảng hình học nhưng vẫn gọi hình dáng nhân vật hoặc kết hợp lối vẽ nhân vật gọi tả cùng các mảng hình học để thể hiện ý tưởng sáng tạo cũng đem đến hiệu quả nhất định như trong tác phẩm *Mộng寐 2* (2015) của Nguyễn Thu Hương. Đây là tác phẩm điển hình của lối vẽ kết hợp với các mảng hình học, mặc dù yếu tố màu sắc, không gian ước lệ góp phần không nhỏ để hình thành YTTT, song hiệu quả của hình thể lại là yếu tố chủ đạo được nhìn nhận.

Phần lớn các tác phẩm TLVN giai đoạn 1976 - 2015 sử dụng lối vẽ hình thể không đặt mẫu, giản lược về khối, ánh sáng và biến điệu theo chủ ý tác giả như tác phẩm: *Cô gái* (1987) của Kim Thái, *Chiến tranh* (1990) của Lý Trực Dũng, *Người Việt cổ* (1995) của Lê Mai Khanh, *Sự cảm dỗ* (2009) của Bùi Tiến Tuấn, *Trước giờ lên đường* (2010) của Lê Văn Sửu... Qua các tác phẩm ta thấy, hình thể trong tranh thường: chủ động giản lược về khối, ánh sáng hoặc chất lọc những nét điển hình của đối tượng rồi thêm, bớt, sửa lại các chi tiết, uốn nắn các đường nét theo ý định chủ quan

của người họa sĩ mà không phụ thuộc vào thực tế; lấy mảng và nét làm phương tiện diễn đạt chính, nét có thể viền quanh mảng để chặn hình hoặc nét nằm trong mảng để gợi cấu trúc; mỗi hình thể có thể dung nạp đồng thời nhiều điểm nhìn khác nhau. Đây cũng là một trong những đặc điểm nghệ thuật phổ biến của hội họa TLVN giai đoạn 1976 - 2015.

2.4. Yếu tố trang trí biểu hiện qua họa tiết trang trí

Họa tiết trang trí có vai trò hỗ trợ tích cực đối với các tác phẩm hội họa nói chung và tranh lụa nói riêng về mặt tạo hình cũng như hiệu quả thẩm mỹ. Khi có sự xuất hiện họa tiết trang trí trong tranh, một mặt mang lại hiệu quả về điểm nhấn, tăng hiệu quả thẩm mỹ, mặt khác nó góp phần nâng cao tính khái quát, tượng trưng của hình tượng nghệ thuật. Giai đoạn 1976 - 2015, có khá nhiều tác phẩm TLVN khai thác, chọn lọc số lượng vừa phải họa tiết trang trí liên kết với hình tượng chính của tác phẩm như tác phẩm *Thiếu nữ và đàn tỳ bà* của Phạm Công Thành, *Thiếu nữ Dao đỏ* của Linh Chi, *Nhà trẻ miền núi* của Vũ Giáng Hương, *Bên trong* của Lê Anh Vân, *Nguyễn Trãi đọc Cáo Bình Ngô* của Đặng Quý Khoa... Một số tác phẩm dùng họa tiết trang trí trên diện rộng phủ kín một mảng hình lớn trong tranh hoặc rải rác ở bề mặt tác phẩm như: *Cô gái Thuận Châu* của Nguyễn Thụy, *Hoa xuân* của Nguyễn Thị Châu Giang, *Cô gái bikini đỏ* của Bùi Tiến Tuấn, *Tuổi teen* của Phạm Hồng Như...

Tiểu kết

Đặc điểm ngôn ngữ tạo hình TLVN giai đoạn 1976 - 2015 chứa đựng cả tính chất hiện thực (miêu tả) và YTTT (không miêu tả). Biểu hiện của YTTT trong tranh có thể nhận diện thông qua các yếu tố tạo hình cơ bản như: thủ pháp sử dụng triệt để không gian có phối cảnh ước lệ, trong đó, các lớp cảnh gồm các tuyến, nhân vật, cảnh vật, đồ vật trong tranh lần lượt xuất hiện dưới dạng hình thức chắp ghép giữa nhiều tình tiết, nhiều điểm nhìn, nhiều hình chiếu ở các điều kiện không

gian, thời gian khác nhau trên cùng một bố cục; màu sắc giản lược hoặc thay thế bằng những hòa sắc mới khác biệt với thực tế để biểu hiện một nhịp điệu tạo hình, một cảm xúc, một trạng thái hay một ý nghĩa; hình thể chất lọc, giản lược từ thực tế chỉ giữ lại những nét điển hình nhất, thêm bớt chi tiết để cải biến hoặc cường điệu có thể đến mức tượng trưng; các mẫu họa tiết trang trí có sẵn được điểm xuyết ở khu vực trọng điểm của tác phẩm hoặc phủ kín bề mặt một số mảng hình để góp phần tạo nhịp điệu cho tác phẩm.

Chương 3

ĐẶC TRƯNG, GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT VÀ BÀN LUẬN VỀ YẾU TỐ TRANG TRÍ TRONG TRANH LỤA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1976 - 2015

3.1. Đặc trưng nghệ thuật

3.1.1. Tính ước lệ - tượng trưng trong không gian và màu sắc

Tính ước lệ - tượng trưng của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 được thể hiện rõ nét qua cách diễn tả không gian trong tranh. Đặc điểm nghệ thuật này rất phổ biến trong TLVN bởi sự hạn chế trong việc thâm diễn, tả chiều sâu của chất liệu lụa. Trong tác phẩm, hình ảnh nhân vật, cảnh vật, đồ vật thường được đưa vào cận cảnh và có thể kết hợp nhiều điểm nhìn khác nhau như hình chiếu mặt, hình chiếu cạnh, hình chiếu bằng trong cùng một bố cục, qua đó mở ra nhiều chiều thuộc bản chất biểu hiện của không gian. Nghệ thuật diễn tả nhiều lớp không gian mang tính ước lệ - tượng trưng rõ nét với đặc điểm dàn trải các hình tượng, chi tiết trên bề mặt tranh để tạo nhịp điệu, đã tạo nên nét đặc trưng của YTTT trong TLVN giai đoạn này khác với những điểm nhìn từ trên xuống, những khung cảnh mênh mông rộng lớn như ở trong tranh lụa Trung Quốc, Nhật Bản...

Trong lịch sử phát triển, cách thể hiện màu sắc trong TLVN luôn

có những nét riêng phù hợp với bối cảnh của thời đại nhưng luôn mang tính ước lệ - tượng trưng. Lối vẽ nhuộm lụa, rửa lụa khiến màu sắc trong TLVN luôn trong trẻo, êm dịu không giống với lối vẽ chùng màu, không rửa như ở tranh lụa Trung Quốc, Nhật Bản. Bên cạnh đó, khác với lối vẽ màu nhòe mờ, thâm trầm, chuyển sắc êm dịu của nhiều tác phẩm ở các giai đoạn đầu thời kỳ Mỹ thuật Đông Dương và phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1945 - 1975, tính ước lệ - tượng trưng về màu sắc trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 biểu đạt qua cách mạnh mẽ khai thác YTTT với màu sắc thoát thực, phong phú, tươi tắn, rực rỡ, va đập mạnh, được kết hợp trong những hòa sắc đa dạng để kiến tạo nhịp điệu sinh động trên mặt tranh và tượng trưng cho những ý tưởng cảm xúc cá nhân.

3.1.2. Khái quát và cách điệu hóa hình thể

Thủ pháp nghệ thuật này được sử dụng phổ biến trong TLVN giai đoạn này không phải là do các họa sĩ không vẽ được đúng với tỉ lệ, khối, ánh sáng thật của sự vật hoặc là chưa có sự đầu tư một cách khoa học về tạo hình, mà là nhằm mục đích lược bỏ bớt những chi tiết rườm rà chỉ giữ lại những nét điển hình, nói rõ hơn đặc điểm tiêu biểu của sự vật và sửa lại, thêm, bớt chi tiết cho hình thể đẹp hơn. Giai đoạn 1976 - 2015 hình thể trong tranh có sự đơn giản hóa cao độ, vẽ nhiều mảng dẹt, thiên về hình trang trí trong sự phối hợp của những tổ hợp nét đa dạng và linh hoạt. Đó là những nét màu nhỏ, tinh nhưng cũng có nét mềm thô mộc, nét có thể dùng để chặn hình hoặc cài trong mảng để gợi cấu trúc sự vật, tạo điểm nhấn, có những nét được khái quát ở mức cao độ trông đơn giản, ngây ngô nhưng lại toát lên vẻ đẹp vô cùng duyên dáng. Cách thể hiện như vậy không những là phương thức tối ưu đối với những hạn chế của chất liệu để đảm bảo hiệu quả tạo hình mà còn có thể góp phần gợi liên tưởng, tưởng tượng cho người xem đến vẻ đẹp sinh động của hiện

thực cuộc sống ẩn sau hình ảnh được tác giả gửi gắm. Đây cũng là một thủ pháp nghệ thuật điển hình của trang trí, qua đó YTTT hiện diện rất rõ trong tác phẩm, tạo nên hiệu quả biểu đạt thẩm mỹ cho tác phẩm cũng như khả năng truyền tải cảm xúc của tác giả đến người xem.

3.1.3. Kết hợp họa tiết trang trí trong mảng hình

Khi được kết hợp trong tác phẩm tranh lụa, họa tiết trang trí có vai trò điểm xuyết để tạo điểm nhấn, hoặc chìm trong mảng nền làm tôn nổi hình tượng nghệ thuật. Từ đó tạo nên sự hài hòa, hợp lý trong tổng thể kết cấu bố cục trong các tác phẩm. Đặc điểm nghệ thuật này có những nét mới so với TLVN của những giai đoạn trước bởi tính phổ quát và phong phú hơn trong hình thức biểu đạt và không giống với lối sử dụng các họa tiết trang trí cầu kỳ, tỉ mỉ, tinh xảo như ở trong tranh lụa Trung Quốc và Nhật Bản. Bên cạnh đó, do đặc trưng êm ả của chất liệu lụa nên các họa tiết trang trí được thêm vào trong mảng hình thường được chọn lọc kỹ càng với đường nét tinh tế, uyển chuyển, kiểu dáng mảnh mai khác hẳn với cách sử dụng họa tiết mang tính chất khỏe khoắn, tương phản của các loại tranh khác như sơn mài, sơn khắc, sơn dầu...

3.2. Giá trị nghệ thuật

3.2.1. Tăng hiệu quả tạo hình

YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 không chỉ là một phương tiện hữu ích để bù đắp những giới hạn về tả khối, tạo chất của đặc trưng chất liệu lụa mà còn góp phần làm tăng hiệu quả tạo hình qua hình thức tác phẩm. Những cách khai thác YTTT nổi bật như: sử dụng không gian có phối cảnh ước lệ để gợi cảm giác về khoảng cách của các sự vật và tạo nhịp điệu, qua đó trở thành phương tiện nghệ thuật tối ưu, khả dĩ dung hòa được với đặc trưng chất liệu lụa và những mối quan hệ tạo hình tưởng như rất xung khắc; cách đặt màu theo hòa sắc có gam màu chủ đạo nhằm khai

thác tính hấp dẫn, khả năng khơi gợi ý nghĩa của màu sắc; sử dụng lối diễn hình giản lược về khối, ánh sáng để tập trung khái quát những nét diễn hình của cấu trúc hình thể và sửa lại, thêm, bớt chi tiết cho hình thể đẹp, hấp dẫn hơn; kết hợp tinh tế họa tiết trong mảng hình để tạo điểm nhấn và tô điểm, làm phong phú, sinh động thêm cho những mảng hình phẳng. Những cách thức biểu đạt này của YTTT được người họa sĩ thể hiện triệt để trong nhiều tác phẩm TLVN giai đoạn này như là một thủ pháp, phương tiện nghệ thuật phù hợp với chất liệu lụa để làm tăng vẻ đẹp hình thức của tác phẩm, qua đó gợi không khí, tinh thần riêng trong tranh khi phản ánh các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội cũng như thể hiện cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ cá nhân.

3.2.2. Đa dạng biểu hiện hình thức nghệ thuật

YTTT có giá trị góp phần làm đa dạng hình thức biểu hiện trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015, đưa đến nhiều trải nghiệm phong phú mới lạ cho người xem tranh, thoát khỏi quan niệm nhòe mờ, trầm mặc của tranh lụa ở các giai đoạn trước. Với đặc điểm là khai thác triệt để các yếu tố: màu sắc và không gian mang tính ước lệ tượng trưng, hình thể mang tính khái quát và cách điệu hóa trong sự phối hợp của các họa tiết trang trí tạo nên sự chủ động, linh hoạt của chủ thể sáng tạo trong quá trình xây dựng tác phẩm, qua đó có thể tạo nên những nhịp điệu tạo hình sinh động, đa dạng, có tính chất tổng hợp liên hoàn, tạo thành nhiều hướng sáng tạo riêng. Cách khai thác YTTT như vậy đem lại khả năng gợi được cùng lúc nhiều tình tiết ở nhiều điều kiện không gian, thời gian khác nhau trên cùng mặt tranh, góp phần đưa đến sự liên tưởng đến vẻ đẹp sinh động của hiện thực cuộc sống ẩn sau hình ảnh được tác giả gửi gắm, phản chiếu kịp thời trước sự thay đổi nhanh chóng của đời sống xã hội.

3.3. Bàn luận về yếu tố trang trí trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1976 - 2015

3.3.1. Nhân tố cơ bản hình thành yếu tố trang trí trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1976 - 2015

Đặc trưng chất liệu và ngôn ngữ thể hiện của tranh lụa là một nhân tố quan trọng từ khách thể sáng tạo tác động mạnh mẽ đến tâm lý sáng tác của người họa sĩ và hình thức của tác phẩm TLVN giai đoạn này. Do độ thấm hút từ từ, loang nhòe của nền lụa, giữa các thớ lụa có khoảng trống khiến tranh lụa không có nhiều ưu thế trong việc diễn tả ánh sáng, vờn khối, tả chất so với các thể loại hội họa khác như tranh sơn dầu, khắc gỗ, sơn mài, sơn khắc... vì thế nên tranh lụa các họa sĩ thường tìm đưa vào nhiều YTTT, đây là một nhân tố khách quan cơ bản tạo nên phẩm chất trang trí trong TLVN.

Nội dung và hình thức thể hiện tác phẩm chính là tư duy - ý tưởng, tâm lý sáng tác của người họa sĩ gửi gắm đến người thưởng thức, tâm lý sáng tác có vai trò quyết định đặc trưng nghệ thuật của tác phẩm. Trong hội họa TLVN hiện đại, quan niệm, tâm lý sáng tác của các họa sĩ được kế thừa một cách ngẫu nhiên từ nghệ thuật truyền thống dân tộc, nó có thể biến đổi qua các thời kỳ khác nhau nhưng không bị mất đi, trái lại nó luôn được duy trì và phát triển. Giai đoạn 1976 - 2015, người họa sĩ tiếp tục kế thừa và phát huy tâm lý sáng tác đó trong các tác phẩm TLVN khiến cho TLVN mang sắc thái và chứa đựng những đặc điểm tạo hình của nghệ thuật truyền thống Việt Nam, giàu tính trang trí.

3.3.2. Phát huy giá trị nghệ thuật

Để phát huy giá trị của YTTT một cách hiệu quả, đòi hỏi người họa sĩ không được lạm dụng mà phải biết cách khai thác, kết hợp sử dụng những ưu điểm nó một cách có chọn lọc để đạt được hiệu quả cuối cùng là tăng hiệu quả tạo hình trên mặt phẳng tác phẩm tranh lụa. Khi

kết hợp các họa tiết trang trí trong tranh, đòi hỏi người họa sĩ phải biết sử dụng ở mức độ vừa phải, nếu sử dụng quá nhiều có thể dẫn đến rối mắt, hoặc làm phá vỡ đi cấu trúc của hội họa. Đối với thủ pháp khái quát và cách điệu hóa hình thể có ưu điểm là giúp cho hình tượng nghệ thuật có khả năng biểu cảm cao, mang đến cho người xem cảm giác vừa đơn giản, cô đọng vừa dễ nắm bắt. Tuy nhiên không phải cứ vẽ “bóp hình” thì là đẹp, là nghệ thuật, người vẽ cần biết cách phối hợp triệt để, xứng hợp hiệu quả của mảng - nét, cùng với con mắt nhìn bao quát mà chỉ có quá trình rèn luyện mới có được. Việc sử dụng màu sắc mang tính ước lệ - tượng trưng tạo điều kiện thuận lợi về sự chủ động trong cách dùng màu theo cảm quan của người vẽ nhưng không có nghĩa là tùy tiện, nếu như quá lạm dụng mà không chú ý đến hiệu quả tổng thể của tác phẩm có thể dẫn đến sa đà vào “kiểu cách” làm mất đi chất cảm của nghệ thuật hội họa. Thủ pháp tạo không gian có phối cảnh ước lệ cùng những biến thể phong phú của nó mở ra nhiều hình thức biểu đạt không gian đa dạng, nhưng nếu như không biết giải quyết khéo léo thì có thể gây ra cảm giác lộn xộn. Vì thế để đảm bảo hiệu quả tạo hình, biến tập hợp các mảng hình đó thành một tổng thể hài hòa thì mối quan hệ giữa các hình ảnh đó phải trở nên gắn bó với nhau và cùng tập trung vào một chủ đề, miễn sao không vi phạm những nguyên tắc cơ bản là thống nhất, tập trung và phù hợp với logic phát triển của hiện thực.

Bối cảnh xã hội có mối quan hệ chặt chẽ, tương ứng với tâm lý tạo hình và hình thức biểu đạt trong sáng tác TLVN. Ở khía cạnh này, khai thác sử dụng triệt để những ưu điểm của YTTT không những đã góp phần mang lại cho TLVN giai đoạn 1976 - 2015 một dấu ấn riêng mà còn bắt nhịp được với mạch nguồn dân tộc và hơi thở của thời đại mới. Việc khai thác hiệu quả của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 có rất nhiều điểm khác nhau nhưng đều đưa đến kết quả tùy theo

sự vận dụng sáng tạo của cá nhân mỗi họa sĩ. Nhìn ở góc độ tạo hình, ngoài việc chủ thể sáng tạo phải biết cách xử lý ôn hòa các mối quan hệ của các yếu tố tạo hình để tạo nên một tổng thể thống nhất và hài hòa thì việc khai thác YTTT một cách sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với đời sống, cá tính sở trường của mỗi cá nhân có thể sẽ góp phần tạo nên sự khác biệt, đặc sắc trong sáng tác nghệ thuật, qua đó tiếp cận được hơi thở của nhịp sống hiện đại.

Tiểu kết

Đặc trưng nổi bật của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 là cách thể hiện: màu sắc và không gian mang tính ước lệ - tượng trưng; khái quát và cách điệu hóa hình thể; kết hợp họa tiết trang trí trong mảng hình. YTTT có giá trị làm tăng hiệu quả tạo hình và đa dạng, phong phú biểu hiện hình thức nghệ thuật của TLVN giai đoạn này. Có thể khẳng định, sự hiện diện phổ biến của YTTT trong các sáng tác TLVN giai đoạn 1976 - 2015 là do hai nhân tố cơ bản: đặc trưng chất liệu lụa và ngôn ngữ thể hiện; sự kế thừa đặc điểm tạo hình nghệ thuật truyền thống. Trong sáng tác hội họa TLVN đương đại, để phát huy giá trị của YTTT một cách hiệu quả, đòi hỏi chủ thể sáng tạo không được lạm dụng mà phải biết cách khai thác, kết hợp sử dụng những ưu điểm nó một cách có chọn lọc, sáng tạo, linh hoạt, phù hợp với đời sống, cá tính sở trường của mỗi cá nhân và bối cảnh của thời đại.

KẾT LUẬN

1. Luận án đã xác lập cơ sở lý thuyết, lý luận và xây dựng khái niệm để nghiên cứu YTTT trong TLVN giai đoạn này. Việc sử dụng lý thuyết Cấu trúc luận, và luận điểm của hình thái học của nghệ thuật, phương pháp tiếp cận liên ngành làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu là cần thiết để tìm ra tính mới, giải quyết đầy đủ nội dung, mục đích nghiên cứu và giả thuyết khoa học của luận án.

2. Luận án đã chỉ ra sự biểu hiện của YTTT thông qua các yếu tố tạo hình như: không gian, màu sắc, hình thể, họa tiết trang trí, ở hình thức biểu đạt tác phẩm TLVN giai đoạn 1976 - 2015. Trong đó, không gian, màu sắc, hình thể trong tranh không lệ thực, có thể giản lược hoặc cải biến theo cảm quan của người vẽ, và kết hợp cùng các họa tiết trang trí hấp dẫn để biểu hiện một nhịp điệu tạo hình, một cảm xúc, một trạng thái hay một ý nghĩa.

3. Luận án đã chỉ ra đặc trưng nghệ thuật của YTTT trong TLVN giai đoạn 1976 - 2015 gồm: khái quát và cách điệu hóa hình thể; màu sắc và không gian mang tính ước lệ - tượng trưng; kết hợp họa tiết trang trí trong mảng hình; với những giá trị nghệ thuật nổi bật là tăng hiệu quả tạo hình và đa dạng biểu hiện hình thức nghệ thuật.

4. YTTT biểu hiện trong tác phẩm TLVN giai đoạn 1976 - 2015 phù hợp với đặc trưng chất liệu, thẩm mỹ truyền thống người Việt Nam. Việc phát huy giá trị nghệ thuật của YTTT cần tránh việc lạm dụng làm mất đi chất cảm trong hội họa tranh lụa và phù hợp với bối cảnh xã hội và chủ thể sáng tạo.

Qua những kết quả nghiên cứu, luận án cung cấp một số thông tin mới, chuyên sâu về YTTT, góp phần bổ sung thông tin khoa học vào nguồn tư liệu Mỹ thuật Việt Nam hiện đại, gợi ý cho những nghiên cứu tiếp theo tìm hiểu về nghệ thuật tranh lụa. Kết quả nghiên cứu YTTT

trong TLVN giai 1976 - 2015 có giá trị hữu ích làm thông tin khoa học cho hoạt động giảng dạy, học tập trong các trường đại học, quá trình sáng tác của người họa sĩ khi tìm hiểu, khai thác và thể hiện tinh thần trang trí khi sáng tác tranh lụa.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN
ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Trung (2020), “Ứng dụng tạo hình tranh dân gian Đông Hồ trong Mỹ thuật Việt Nam hiện đại”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Bảo vệ và phát huy giá trị nghệ thuật tranh dân gian Đông Hồ trong đời sống đương đại*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 786 - 802.

2. Nguyễn Trung (2022), “Sự biểu hiện của yếu tố trang trí trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1975 - 2015”, *Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2021*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 258 - 270.

3. Nguyễn Trung (2023), “Hình thức thể hiện của yếu tố trang trí trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1986 - 2016”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 536, tr.90 - 95.

4. Nguyễn Trung (2023), “Nhân tố cơ bản hình thành yếu tố trang trí trong tranh lụa Việt Nam giai đoạn 1975 - 2015”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 539, tr.71 - 74.